

NHÌN LẠI HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH NGÂN HÀNG TRONG 30 NĂM ĐỔI MỚI (1986-2016)

TS TRẦN PHƯƠNG THUY

Học viện Tài chính

Với vai trò lãnh đạo toàn diện đất nước, Đảng đã nhận thức và hoạch định chiến lược phát triển đối với toàn bộ nền kinh tế nói chung, ngành ngân hàng (NNH) nói riêng trên cơ sở nắm vững và quán triệt những bài học đổi mới quan trọng, góp phần vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế đất nước. Quá trình Đảng lãnh đạo đổi mới hoạt động Ngân hàng đã để lại những kinh nghiệm có giá trị.

1. Quan điểm, chủ trương của Đảng

Hội nghị Trung ương 6 khóa IV (1979) là sự khởi đầu cho quá trình cải tiến cơ chế quản lý kinh tế. Trong hội nghị này, Đảng đã nghiêm khắc phê phán tình trạng tập trung quan liêu, trì trệ và bảo thủ trong kế hoạch hóa và lần đầu tiên thừa nhận “ba lợi ích”: lợi ích của nhà nước, lợi ích của địa phương (lợi ích tập thể) và lợi ích của cá nhân. Những đột phá trong tư duy chính là “luồng gió mới” kích thích và mở đường cho nền kinh tế “bung ra”, phá vỡ những ách tắc trong sản xuất và lưu thông. Những năm 1981-1986 được xem là thời kỳ “tiên cải cách” của nền kinh tế nói chung, trong lĩnh vực tiền tệ-tín dụng-ngân hàng nói riêng. Xóa bỏ cơ chế quan liêu bao cấp trong giá lương tiền là yêu cầu hết sức cấp bách, là khâu đột phá có tính quyết định để đẩy mạnh sản xuất, làm chu thị trường, ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân lao động, thay đổi toàn bộ cơ chế quản lý nền kinh tế quốc dân.

Đại hội VI (12-1986) của Đảng với phương châm “nhìn thẳng vào sự thật”, “đánh giá đúng sự thật...” lần đầu tiên Đảng thừa nhận nền kinh tế

hàng hóa nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ. Trong lĩnh vực ngân hàng, Đại hội chủ trương: bên cạnh nhiệm vụ quản lý lưu thông tiền tệ của NHNN cần xây dựng hệ thống ngân hàng chuyên nghiệp kinh doanh tín dụng và dịch vụ ngân hàng, hoạt động theo cơ chế hạch toán kinh tế...

Từ “luồng gió” đổi mới đó, tháng 4-1987, HNTƯ 2 khóa VI bàn về những nhiệm vụ cấp bách về phân phối lưu thông, tìm giải pháp từng bước xóa bỏ tem phiếu, khuyến khích phát triển lưu thông hàng hóa giữa các tỉnh, vùng, miền. Ngày 5-4-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10-NQ/TW về Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp thay Chỉ thị số 100-CT/TW, ngày 13-1-1981, của Ban Bí thư khóa IV, là một quyết sách quan trọng trong việc giải phóng sức sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn. Từ ngày 20 đến ngày 29-3-1989, HNTƯ 6 khóa VI đã họp kiểm điểm 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và đề ra các nhiệm vụ của những năm còn lại của nhiệm kỳ, trong đó nêu ra 5 nguyên tắc giữ vững định hướng XHCN và 5 chủ trương cụ thể về phát triển

nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần: “trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, thị trường xã hội bao gồm cả thị trường tiêu dùng, thị trường vật tư, thị trường vốn và chứng khoán... là một thể thống nhất với nhiều lực lượng tham gia lưu thông hàng hóa. Thị trường phải thông suốt cả nước và gắn với thị trường thế giới...”, “Thị trường tác động đến quá trình sản xuất và tái sản xuất, chủ yếu thông qua giá cả. Giá cả trong nước phải gắn liền với giá cả trên thị trường quốc tế”. Tỷ giá giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ phải phù hợp với giá thị trường trong nước và thị trường quốc tế. Cũng trong nghị quyết này, Đảng nhắc đến cụm từ “lạm phát” và chỉ rõ giải pháp chống lạm phát: “Chống lạm phát phải trên cơ sở đổi mới cơ chế quản lý, chuyển mạnh các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh, giải phóng triệt để các năng lực sản xuất. Trong những giải pháp toàn diện, đồng bộ chống lạm phát phải tập trung vào khâu then chốt là giảm dần, tiến tới chấm dứt phát hành tiền để chi tiêu ngân sách và cấp vốn tín dụng qua ngân hàng. Cần sử dụng tốt các công cụ quản lý vĩ mô để điều hòa cung-cầu, phân đầu không để giá cả đột biến, đặc biệt là giá gạo, vàng và ngoại tệ”.

Đổi mới toàn diện cơ chế kinh tế đã trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam từng bước thoát khỏi khủng hoảng và chuẩn bị cho những đổi mới căn bản, toàn diện trong những năm 90 của thế kỷ XX.

Trong những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, sự khủng hoảng và sụp đổ của hệ thống XHCN ở các nước Đông Âu và Liên Xô thực sự là một biến động lớn cả về chính trị và kinh tế. Đại hội VIII (6-1996) của Đảng đề ra nhiệm vụ trong giai đoạn mới: “Tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững

chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau”³. Nhiệm vụ này liên quan trực tiếp đến NNH.

Cùng với quá trình đổi mới căn bản và toàn diện nền kinh tế, chủ trương mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế được Bộ Chính trị khóa IX đề ra tại Nghị quyết số 07 NQ-TW, ngày 27-11-2001, “Về hội nhập kinh tế quốc tế”. Cũng trong thời gian này, “Đề án phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2010 định hướng đến năm 2020” của Chính phủ (phê duyệt năm 2006), Nghị định số 56/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN Việt Nam đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng của đất nước trong bối cảnh tái cơ cấu toàn bộ nền kinh tế và ứng phó với của khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu.

Ngày 1-9-2005, Bộ Chính trị đã ra Thông báo số 191-TB TW. Kết luận của Bộ Chính trị đối với lĩnh vực ngân hàng như sau: Đổi mới cơ cấu tổ chức của NHNN từ Trung ương đến chi nhánh theo hướng tinh gọn và hiện đại. Tổ chức lại NHNN, sắp xếp lại các vụ, cục theo hướng tập trung quản lý, điều hành, nâng cao năng lực nghiên cứu, phân tích, dự báo và tính chuyên môn hóa của các đơn vị.

Ngày 16-6-2010, Quốc hội khóa XII thông qua *Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam và Luật các tổ chức tín dụng*, có hiệu lực thi hành từ ngày 1-1-2011. Hai luật này tạo nền tảng pháp lý mới để nâng cao vai trò quản lý nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng (HĐNH), nâng cao vị thế, trách nhiệm, quyền hạn của NHNN trong việc hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ quốc gia, bảo đảm an toàn HĐNH và hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD), bảo đảm sự vận hành an toàn, hiệu quả của các hệ thống thanh toán, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội theo định hướng XHCN. Đồng thời, cũng phù hợp với các điều ước

quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết và thông lệ, chuẩn mực quốc tế về ngân hàng.

Đặc biệt, Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011-2015 của Chính phủ và Báo cáo về kết quả giám sát “Việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế trong lĩnh vực đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng theo Nghị quyết số 10 2011/QH13 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2011-2015” đã tái cơ cấu hệ thống ngân hàng đúng lộ trình và là điểm sáng trong tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế. Nhờ các biện pháp cơ cấu lại TCTD cùng với điều hành linh hoạt chính sách tiền tệ, tăng cường quản lý thị trường tiền tệ, an toàn của hệ thống tín dụng được bảo đảm, nguy cơ gây đổ vỡ, mất an toàn hệ thống đã được đẩy lùi. Khả năng chi trả của tổng tín dụng được cải thiện, tài sản của Nhà nước và tiền gửi của nhân dân được an toàn.

Đại hội XII (2016) của Đảng xác định: “Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại đồng bộ, tổng thể nền kinh tế và các ngành, các lĩnh vực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tập trung vào các lĩnh vực quan trọng: cơ cấu lại đầu tư với trọng tâm là đầu tư công; cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính, từng bước cơ cấu lại ngân sách nhà nước; cơ cấu lại và giải quyết có kết quả vấn đề nợ xấu, bảo đảm an toàn nợ công; cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước với trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, gắn với phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược, nhất là đột phá về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực”.

2. Một số kết quả và kinh nghiệm

Sau 30 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, HDNH đã đạt được những thành tựu chủ yếu sau:

Sự thay đổi căn bản về cấu trúc thể chế: Cùng với sự ra đời của Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước, Pháp lệnh về Ngân hàng, hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính đến *Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam* đã chuyển toàn bộ hoạt động tiền tệ-tín dụng-ngân hàng sang hoạt động theo nguyên tắc thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Đổi mới về cơ chế hoạt động điều hành: Chính sách tiền tệ đã trở thành một công cụ điều chỉnh kinh tế vĩ mô với mục tiêu bao trùm là kiểm soát lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế linh hoạt theo diễn biến thị trường. Cơ chế điều hành lãi suất và tỷ giá về cơ bản đã được tự do hóa theo nguyên tắc thị trường. Nhà nước chỉ can thiệp thông qua thị trường tiền tệ và các công cụ của chính sách tiền tệ. Quyền tự chủ và chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại được thể chế hóa và thực hiện. Các hoạt động tín dụng theo chỉ định hoặc phục vụ các đối tượng chính sách của Nhà nước đã được tách bạch rõ ràng khỏi các hoạt động tín dụng thương mại. Các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế về HDNH cũng dần được áp dụng trong thực tế ở Việt Nam. Chúng loại sản phẩm, dịch vụ ngân hàng phát triển nhanh, đa dạng hơn. Hệ thống thanh toán ngân hàng có tiến bộ vượt bậc. Công tác cơ cấu lại các ngân hàng thương mại đạt được một số kết quả đặc biệt trong việc xử lý nợ xấu, nâng cao năng lực tài chính, trình độ quản trị, điều hành; dịch vụ ngân hàng phong phú hơn và cải thiện đáng kể về chất lượng. NHNN ngày càng chứng tỏ vai trò của một Ngân hàng Trung ương trong nền kinh tế thị trường.

Những thành tựu của 30 năm đổi mới hoạt động tiền tệ-tín dụng-ngân hàng để lại những kinh nghiệm có giá trị.

Một là, nhận thức đúng quy luật khách quan để hoạch định đường lối, chính sách

Sự thay đổi về cơ chế quản lý, điều hành phải xuất phát từ sự thúc đẩy và đòi hỏi khách quan của xu thế phát triển các lực lượng sản xuất cụ thể là của công nghệ mới và trình độ phát triển tri thức. Thực tiễn 30 năm đổi mới cho thấy nếu Đảng không nhận thức được quy luật phát triển để chủ động đổi mới cơ chế thì chính cơ chế sẽ kìm hãm sự phát triển của tri thức và công nghệ. Đây là thành tựu đặc biệt quan trọng về nhận thức lý luận và hoạch định chiến lược phát triển, nhất là đối với HĐNH.

Qua 30 năm đổi mới, hoạt động quản lý của NHNN về tiền tệ và tín dụng đã tách ra khỏi hoạt động kinh doanh nói chung, hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng Trung ương nói riêng, đã có tính độc lập tương đối với Chính phủ, ngày càng thích nghi và phù hợp với thông lệ quốc tế. 30 năm đổi mới HĐNH cũng chính là quá trình tiếp cận với cơ chế thị trường, giảm bớt đầu mối và công cụ quản lý hành chính đồng thời tăng cường sử dụng các công cụ gián tiếp, hệ thống các chỉ tiêu vĩ mô (như tổng phương tiện thanh toán trong cung ứng tiền; cung cầu tiền tệ trong các lãi suất, tín dụng, tỷ giá; các chỉ số an toàn trong thanh tra, giám sát, kiểm toán...) chứng tỏ Ngân hàng Trung ương có thể quản lý từ xa nhiều hoạt động trọng tâm, phát huy nhiều nghiệp vụ mới.

Thực tiễn 30 năm đổi mới cũng cho thấy: hoạt động quản lý, điều hành được định hướng đúng và giải phóng khỏi những ràng buộc hành chính thì đạt được hiệu quả cao. Đại hội VI (1986) đã rút ra bài học: "Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật là điều kiện đảm bảo sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng".

Hai là, kiên trì học hỏi, dám làm, dám chịu trách nhiệm, vì lợi ích của đất nước, của nhân dân và của dân tộc

Hội nghị Trung ương 6 khóa IV (9-1979) đánh dấu bước đột phá trong đổi mới cơ chế quản lý

kinh tế với chủ trương đổi mới công tác kế hoạch hóa, cải tiến một bước cơ bản chính sách kinh tế, làm cho sản xuất "bung ra". Tuy nhiên mọi cuộc đổi mới không thể chỉ bằng một hội nghị hay một nghị quyết mà phải là một quá trình. Từ những ách tắc đến những ý tưởng, từ ý tưởng đến đột phá trong thực tế và những kết quả trong thực tế làm sáng rõ thêm ý tưởng và hình thành đường lối, chủ trương. Như vậy là trước khi có đổi mới toàn diện nền kinh tế nói chung, các HĐNH nói riêng, đã có một giai đoạn tìm tòi thử nghiệm với cách thức là đột phá từ cơ sở, kết hợp với kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh, đúc kết thành chính sách mới, đổi mới bộ phận tiến tới đổi mới toàn bộ.

Nhờ nắm vững đường lối, kiên quyết đổi mới, đổi mới "từ dưới lên", đổi mới bộ phận, tiến tới đổi mới toàn bộ, công cuộc đổi mới ngày càng đi đúng hướng và đạt những kết quả quan trọng. Lạm phát phi mã đã được chặn đứng từ 700% (1986) xuống 35% (1989), tình trạng ngân hàng khan hiếm tiền mặt ngoài thị trường, giá cả leo thang đã cơ bản chấm dứt.

Thực tiễn cho thấy muốn đổi mới thành công, phải có đường lối đúng đắn. Để có đường lối đúng trước hết phải kiên trì mục tiêu, xác định rõ nhiệm vụ cụ thể để thực hiện mục tiêu. Đường lối của Đảng phải xuất phát từ thực tiễn khách quan, từ lợi ích của đất nước, của người dân—đó là bài học lãnh đạo chưa bao giờ cũ.

Ba là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong quá trình đổi mới, mở cửa và hội nhập

Trong những năm đầu đổi mới, đời sống của người dân vẫn gặp vô vàn khó khăn. Đổi mới với tốc độ nhanh, trình độ, năng lực của cán bộ còn chưa theo kịp; khả năng quản lý, kiểm soát của NHNN nhất là các lĩnh vực tín dụng, ngoại tệ, thanh toán kém hiệu quả, mô hình và kinh nghiệm đều chưa có.

Trong hoàn cảnh đó, Đảng đã phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của khối đại đoàn

kết toàn dân tộc với tinh thần tự lực, tự cường, tạo nên sức mạnh to lớn vượt qua khó khăn thử thách. Thực tiễn đó chứng tỏ, trong điều kiện nền tảng vật chất-kỹ thuật còn nhiều hạn chế, nhưng dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, dựa vào dân, vì lợi ích của người dân chính là cơ sở cho sự đổi mới thành công.

Quán triệt Nghị quyết số 07/NQ-TW, 27-11-2001, “Về hội nhập kinh tế quốc tế”, NHNN đã xây dựng kế hoạch và chương trình hành động hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng. Trong giai đoạn 2001-2005, hoạt động hội nhập quốc tế của NNH được triển khai tích cực phù hợp với trình độ phát triển và đặc thù của hệ thống tài chính-ngân hàng Việt Nam. Cho đến năm 2016, NNH đã có những chuyển biến mạnh mẽ, phát triển theo xu hướng quốc tế hóa và hội nhập với kinh tế-tài chính thế giới. Điều này thể hiện ở nội dung các hiệp định song phương như Hiệp định Thương mại Việt Nam-Hoa Kỳ, Hiệp định Việt Nam-Nhật Bản... và các Hiệp định đa phương như ASEAN, ASEAN +3, APEC, WTO, TPP.

Thực tiễn quá trình hội nhập của hệ thống ngân hàng Việt Nam cho thấy: Vấn đề cơ bản nhất vừa có ý nghĩa trước mắt vừa mang tầm chiến lược lâu dài trong điều kiện hội nhập là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Do đó, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhất thiết phải được hoạch định trên cơ sở lấy lợi ích quốc gia dân tộc làm ưu tiên số 1, phải đặt trong mối quan hệ gắn bó mật thiết, hữu cơ giữa những yêu cầu cấp thiết bên trong và tác động của bối cảnh bên ngoài. Đồng thời, trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách trên các mặt phải thấy rõ mối quan hệ biện chứng giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữa an ninh và phát triển, giữa độc lập tự chủ và hội

nhập quốc tế, lấy nhiệm vụ xây dựng kinh tế là trọng tâm hàng đầu, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ cao độ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; coi thể và lực của đất nước là chỗ dựa vững chắc nhất cho tiến trình hội nhập. Đây thực chất là quá trình thực hiện thành công mục tiêu tổng quát phát triển kinh tế-xã hội được Đại hội XI (2011) của Đảng xác định: “Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; phát triển kinh tế nhanh, bền vững; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị-xã hội; tăng cường hoạt động đối ngoại; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”.

Đại hội XII (2016), Đảng tiếp tục khẳng định: “Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”.

Yêu cầu của công cuộc đổi mới kinh tế của đất nước, nhất là đổi mới trong một lĩnh vực chưa có nhiều kinh nghiệm như lĩnh vực ngân hàng đòi hỏi Đảng phải không ngừng tìm tòi, khảo nghiệm, tổng kết thực tiễn, bám sát thực tiễn, phát hiện và giải quyết vấn đề đồng thời luôn bổ sung, phát triển và hoàn thiện đường lối.

Để biến đường lối thành hiện thực, đội ngũ đảng viên phải được xây dựng, rèn luyện và không ngừng nâng cao trình độ năng lực tổ chức, chỉ đạo

thực tiễn. 30 năm đổi mới, tiếp cận với cơ chế thị trường với tiến trình đi từ tuần tự, bắt kịp và đón đầu, chúng ta đã vừa nhận thức, vừa thiết kế vừa vận hành quy trình đó để từng bước đáp ứng các yêu cầu thực tiễn. Hoạt động lãnh đạo bằng hoạch định chính sách, chiến lược luôn gắn bó chặt chẽ với vai trò của người đảng viên, cán bộ lãnh đạo.

Trước khi tiến trình đổi mới thực sự bắt đầu, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phú Kim Ngọc đã khởi xướng phong trào “khoán 10” từ những thập niên 60 của thế kỷ XX. Tư tưởng đó được khẳng định trở lại trong Chi thị 100 của Ban Bí thư, ngày 13-1-1981. Điều đó cho thấy vai trò của người đảng viên, người lãnh đạo đối với những quyết sách mới là hết sức quan trọng. Trong giai đoạn đầu của quá trình đổi mới, hầu hết các cán bộ trình độ hiểu biết, kinh nghiệm HĐNH khi chuyển sang kinh tế thị trường chưa có. Nhưng có Nghị quyết Đại hội VI (12-1986) và Nghị định 53, ngày 26-3-1988, của Hội đồng Bộ trưởng, về mô hình tổ chức ngân hàng, chuyển ngân hàng từ một cấp thành ngân hàng 2 cấp, được sự chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên, cụ thể của các đồng chí lãnh đạo Đảng, những người đảng viên, những người lãnh đạo “đứng mũi chịu sào” của NNH thời kỳ đó đã xác định rõ 3 nhiệm vụ lớn, là định hướng cơ bản cho đổi mới toàn diện HĐNH: 1. Xây dựng nhanh hệ thống luật lệ (bước đầu là Pháp lệnh) cho hoạt động của Ngân hàng Trung ương và các TCTD theo tinh thần phục vụ cho kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và xu thế mở cửa kinh tế của đất nước, phù hợp với điều kiện Việt Nam và từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế; 2. Từng bước xây dựng hệ thống tin học và áp dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý và kinh doanh tiền tệ nhằm cải thiện cơ bản công tác thanh toán trong hệ thống ngân hàng và đáp ứng nhu cầu thanh toán ngày càng cao của nền kinh tế; 3. Tiếp tục cơ cấu và sắp xếp mô hình các TCTD kể cả việc cho phép các ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam và

chuẩn bị cho các ngân hàng Việt Nam ra hoạt động ở nước ngoài. Đồng thời nâng cao kiến thức cho đội ngũ cán bộ, tiến hành đào tạo lại, sắp xếp đội ngũ cán bộ theo mô hình mới, chuyển sang kinh doanh tiền tệ theo đúng tính chất của HĐNH.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, qua 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội và tình trạng kém phát triển, kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng XHCN từng bước phát triển. Bộ mặt đất nước và đời sống nhân dân có nhiều thay đổi. Góp phần tạo nên những thành công đó có sự đóng góp không nhỏ của NNH Việt Nam.

1. 5 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb ST, H, 1987 tr. 2, 3, 30

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6, khóa VI*, Nxb CTQG, H, 1989, tr. 19

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb CTQG, H, 1996, tr. 82

4. 7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Văn phòng Trung ương Đảng, H, 2016, tr. 88-89, 76

6. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 188